TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2023/QĐST-DS	*Cẩm Khê, ngày 19 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213; khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 6 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 38/2022/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc tranh chấp Chia thừa kế tài sản.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Anh Hà Văn K, sinh năm 1982

1.2. Bị đơn: Anh Hà Văn H, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Khu V, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Lương Thị T, sinh năm 1962

Địa chỉ: Khu D, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ

- Lương Thị Thanh N, sinh năm 1971

Địa chỉ: Khu T, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ

- Hà Thị K, sinh năm 1975

Địa chỉ: Khu Đ, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 25, diện tích 364,3m^2 tại khu 12 (nay là khu V), xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ, được Uỷ ban nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trần Thị N ngày 15/6/2012 là di sản thừa kế của bà Trần Thị N để lại, trị giá tài sản là

291.440.000đ (Hai trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng); được chia thừa kế theo pháp luật thành 05 phần bằng nhau cho 05 người con của bà N gồm: Chị Lương Thị T, chị Lương Thị Thanh N; chị Hà Thị K, anh Hà Văn K và anh Hà Văn H. Mỗi người được nhận 1/5 diện tích tương ứng với 72,86m^2, trị giá 58.288.000đ (Năm mươi tám triệu hai trăm tám mươi tám nghìn đồng).

2.2. Chị Lương Thị T, chị Lương Thị Thanh N, chị Hà Thị K và anh Hà Văn H tự nguyện cho toàn bộ diện tích đất được chia theo pháp luật cho anh Hà Văn K, tương đương diện tích 291.44m^2, trị giá 233.152.000đ (Hai trăm ba mươi ba triệu một trăm năm mươi hai nghìn đồng).

2.3. Anh Hà Văn K được hưởng di sản thừa kế của bà Trần Thị N để lại chia theo pháp luật là toàn bộ thửa đất số 23, tờ bản đồ số 25, diện tích 364,3m^2 tại khu 12 (nay là khu Või), xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ, trị giá 291.440.000đ (Hai trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm bốn mươi nghìn đồng). Anh Hà Văn K không phải thanh toán chênh lệch về giá trị tài sản vì chị Lương Thị T, chị Lương Thị Thanh N, chị Hà Thị K và anh Hà Văn H không yêu cầu.

2.4. *Về án phí:* Anh Hà Văn K là đối tượng thuộc hộ nghèo được miễn án phí dân sợ sơ thẩm đối với giá trị di sản anh K được nhận tương ứng số T được miễn. Nhưng anh Hà Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng giá trị tài sản theo giá ngạch phần của chị Lương Thị T, Lương Thị Thanh Thuận, Hà Thị K và anh Hà Văn H cho theo thoả thuận, số T 5.828.800đ (Năm triệu tám trăm hai mươi tám nghìn tám trăm đồng). Xác nhận anh Hà Văn K đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu T tạm ứng án phí số 0008082 ngày 19 tháng 12 năm 2022. Anh K còn phải nộp 5.528.800đ (Năm triệu năm trăm hai mươi tám nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7; 7a; 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- THADS huyện Cẩm Khê;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hán Hưởng

-

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:
- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)